

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2023/DS-PT

Ngày: 14-6-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: ông Phan Thanh Tùng;

ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960; địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Lan O, sinh năm: 1978; địa chỉ: Phường X, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị đơn: bà Trần Thị C, sinh năm: 1964; địa chỉ: Ấp L, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm: 1963; địa chỉ: phường X, quận 5, Thành phố

Hồ Chí Minh. Tạm trú: Ấp X, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1982; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-12-2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện uỷ quyền của bà L - bà Nguyễn Lan O trình bày:

Bà yêu cầu bà Trần Thị C trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay 1.600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng là 7,5%/năm từ ngày 17-9-2016 cho đến khi xét xử vụ án, cụ thể:

Bà L và bà C quen biết nhau qua làm ăn môi giới mua bán nhà đất. Vào ngày 01-9-2016 bà L cho bà C vay số tiền 1.300.000 đồng, thời hạn vay trong 04 tháng, không tính lãi, mục đích vay để làm thủ tục giấy tờ đất của gia đình bà C. Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay tại Phòng Công chứng Lý Thị Như H ở số khu phố X, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó bà C có gọi điện cho bà L hỏi vay thêm 300.000.000 đồng, bà L đồng ý và hẹn đến ngày 17-9-2016 bà L mang tiền đến cho bà C mượn thêm 300.000.000 đồng cũng để làm giấy tờ đất của gia đình bà C, hai bên có làm giấy tay mượn nợ, lần này cũng không tính lãi, thời hạn cũng trong vòng 03 tháng theo số nợ trước. Lúc mượn nợ bà C không có thể chấp tài sản gì. Đến hạn bà C không trả tiền, thì bà L gọi điện, đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà C không trả, còn tránh né không gặp bà L, nên bà L khởi kiện.

Do bà C, ông Nguyễn Đ, ông Trần Văn N có mối quan hệ môi giới nhà đất nên quen biết nhau và ông N cũng là người đi lo giấy tờ đất cho bà C. Từ việc bà L đòi nợ bà C, nên bà C nói với bà L là ông Đ trả nợ cho bà L thay bà, thì bà L nói ai trả cũng được, miễn có trả là được. Do ông Đ nhận trả số nợ này cho bà L, nên bà L, bà C, ông Đ, ông N có ký biên bản thoả thuận giao số nợ cho ông Đ trả, nhưng số tiền, ngày tháng năm và nội dung cụ thể thì bà L không nhớ, vì bà L không giữ giấy thoả thuận này và ông Đ cũng không có trả 300.000.000 đồng cho bà L theo giấy thoả thuận. Sau đó, bà L đòi ông Đ thì ông Đ không trả mà nói ông không có mượn tiền bà L và ông yêu cầu đòi bà C. Nay bà L yêu cầu bà C trả số tiền trên.

Đối với Vi bằng số 5557 ngày 14-9-2016 là thoả thuận khác, không liên quan đến việc vay tiền giữa bà C với bà L. Tại toà bà O yêu cầu tính lãi suất từ ngày 17-01-2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 740.000.000 đồng, cộng hai khoảng là 2.340.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Ngày 01-9-2016, bà L hứa cho bà vay số tiền 1.300.000.000 đồng để bà làm chi phí đi Hà Nội lo vụ thừa kiện của bà. Bà và bà L cùng đến Văn phòng công chứng Lý Thị Như H lập hợp đồng vay tiền, bà có ký tên và lấn tay vào Hợp đồng vay tiền này. Tuy nhiên, sau khi ký kết hợp đồng tại văn phòng công chứng, bà L chỉ giao cho bà 700.000.000 đồng, đến ngày 17-9-2016, bà L giao tiếp cho bà số tiền 50.000.000 đồng và bà L cộng dồn tiền lãi như thế nào bà không biết thì bà L yêu cầu bà ký giấy nợ 300.000.000 đồng, bà có ký giấy nợ này đó là tiền lãi. Tổng cộng, bà ký tên hai lần số tiền là 1,6 tỷ (*Một tỷ sáu trăm triệu*) đồng, nhưng bà L chỉ giao cho bà số tiền 750.000.000 đồng. Số tiền 1.300.000.000 đồng thì không thỏa thuận lãi suất vì bà L không giao đủ tiền cho bà. Đối với số tiền 300.000.000 đồng bao gồm 50.000.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi 750.000 đồng/ngày. Bà đã đóng cho bà L 01 tháng tiền lãi. Sau đó, bà không còn khả năng trả lãi nên bà L mới chốt nợ tổng cộng là 300.000.000 đồng. Từ ngày vay tiền đến nay, bà không trả cho bà L số tiền nào. Đến ngày 23-9-2019, bà cùng bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn N và ông Nguyễn Đ cùng đến nhà ông Đ để lập văn bản thỏa thuận toàn bộ số nợ của bà theo Hợp đồng vay tiền ngày 01-9-2016 số tiền 1.300.000.000 đồng và giấy mượn tiền đề ngày 17-9-2016 số tiền 300.000.000 đồng được hủy bỏ kể từ ngày 23-9-2019 và hai bên thỏa thuận ông Nguyễn Đ có nghĩa vụ trả cho bà L tổng cộng số tiền 1.300.000.000 (*Một tỷ ba trăm triệu*) đồng vào 03 lần cụ thể:

Lần 1: 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng vào ngày 23-9-2019;

Lần 2: 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng vào ngày 26-9-2019;

Lần 3: 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng vào ngày 31-9-2019.

Do giấy nợ 300.000.000 đồng là tiền lãi, nên bà L cho luôn, mới tính nợ 1,3 tỷ (*Một tỷ ba trăm triệu*) đồng giao cho ông Đ trả. Và ông Đ đã trả cho bà L hết số nợ này xong.

Nay bà L kiện yêu cầu bà trả số nợ 1.600.000.000 (*Một tỷ sáu trăm triệu*) đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng là 7,5%/năm từ ngày 17-9-2016 cho đến nay thì bà không đồng ý trả, vì bà và bà L, ông N, ông Đ đã thỏa thuận chuyển giao toàn bộ số tiền nợ của bà sang cho ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà L và hủy bỏ toàn bộ hợp đồng vay tiền và giấy vay tiền giữa bà và bà L. Nếu bà L muốn khởi kiện yêu cầu trả nợ thì phải khởi kiện ông Nguyễn Đ, bà không còn trách nhiệm trả nợ gì với bà L. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ và ông Trần Văn N: Toà án đã triệu tập họp lệ đến Toà án để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hoà giải, đối chất nhưng ông Đ, ông N đều không đến, nên không làm việc được với các đương sự.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 370, 401, 407, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị C, với số tiền vay gốc là 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi là 740.000.000 (Bảy trăm bốn mươi triệu) đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 21-3-2023, bà Nguyễn Thị L làm đơn kháng cáo nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Lan O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung vụ án: bà L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C trả số tiền 1.600.000.000 đồng và lãi suất 7,5%/năm từ ngày 17/12/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 740.000.000 đồng, tổng cộng 2.340.000.000 đồng, theo hợp đồng vay tiền ngày 17-9-2016 giữa bà L và bà C.

[3] Các đương sự thừa nhận có việc bà L cho bà C vay số tiền 1.600.000.000 đồng, bao gồm giấy viết tay ngày 17-9-2016 và hợp đồng vay nợ số 012092 giữa bà C và bà L ký ngày 01-9-2016 tại Phòng Công chứng Lý Thị Như H. Tuy nhiên ngày 23-9-2019 giữa bà L, bà C, ông Trần Văn N và ông Nguyễn Đ đã thoả thuận tại nhà ông Đ và lập biên bản thoả thuận giữa bên A là bà L, ông N, bà C; bên B là ông Đ có nội dung: “ a. Kể từ ngày ký biên bản thoả

thuận này bên A chấm dứt mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại vi bằng số 5557/2016/VB-TPL - Thừa phát lại của Văn phòng TPL Hóc Môn, TP HCM. b. Các giấy tờ viết tay ngày 17-9-2016 và hợp đồng vay nợ số 012092 giữa bà C và bà L ký ngày 01-9-2016 tại Phòng Công chứng Lý Thị Như H được huỷ bỏ (vô hiệu) kể từ ngày ký thoả thuận này. Bên B sẽ thanh toán cho bên A số tiền 1.300.000.000 (*Một tỷ ba trăm triệu*) đồng....”; việc thoả thuận này bà L thừa nhận. Lý do bà L khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền theo hợp đồng vay trên là do ông Đ không trả tiền cho bà theo thoả thuận ngày 23-9-2019.

[4] Thấy rằng, tại thoả thuận ngày 23-9-2019 đã có sự chuyển giao nghĩa vụ trả tiền vay từ bà C sang cho ông Đ; các giấy tờ viết tay ngày 17-9-2016 và hợp đồng vay nợ số 012092 giữa bà C và bà L ký ngày 01-9-2016 tại Phòng Công chứng Lý Thị Như H được huỷ bỏ (vô hiệu). Việc thoả thuận trên là tự nguyện của các đương sự không có sự cưỡng ép, không trái với đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật và người có quyền là bà L đã đồng ý với thoả thuận do đó bà C không còn nghĩa vụ trả tiền vay cho bà L. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm 07/2023/DS-ST ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 370, 401, 407, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị C, với số tiền vay gốc là 1.600.000.000 (*Một tỷ sáu trăm triệu*) đồng và tiền lãi là 740.000.000 (*Bảy trăm bốn mươi triệu*) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: bà Nguyễn Thị L được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0017953 ngày 20-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. TX Trảng Bàng;
- Chi cục THADS. TX Trảng Bàng;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hữu Chiến